TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 245 /2026/QĐST-HNGĐ	

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 238/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1987; CCCD số 038087027979, cấp ngày 02/02/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH; Nơi ĐKHKTT: TDP T, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa;

- Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1988; CCCD số 001188029532, cấp ngày 07/5/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH; Nơi ĐKHTTT: Đội 5, thôn Đ, xã H, thành phố Hà Nội;

Đều trú tại: P, CC CT2 -X2, Bắc Linh Đ, H, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn D và chị Nguyễn Thị X tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 22/9/2023 tại UBND xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội (nay là xã H, thành phố Hà Nội), Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2023. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, anh D, chị X xác định không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên thống nhất thỏa thuận ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh D trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị X, anh D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị X và anh D có một con chung là Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/11/2023. Sau ly hôn anh D, chị X thỏa thuận giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay cháu A còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ nên anh D, chị X thỏa thuận giao con chung

cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của con chung nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) kể từ tháng 5/2026 đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị X và anh Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Lê Văn D ly hôn.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/11/2023. Anh Lê Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Lê Văn D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) kể từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án:

Anh Lê Văn D và chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh D, chị X đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009701 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10 – Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- UBND xã Hưng Đạo, Hà Nội;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy